

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN – ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 – 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 – 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 – 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 – 09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công ty CP Cơ điện – Điện lực Đồng Nai (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hữu	Thành viên
Ông Nguyễn Sỹ Thương	Thành viên
Ông Lê Phước Toàn	Thành viên
Ông Lê Đăng Kiên	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Dương Thục Đoan	Trưởng ban
Ông Lý Chân Thành	Thành viên
Ông Lê Hữu Công	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Hữu	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Khoa	Phó Giám đốc
Ông Lê Hữu Thành	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN – ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Số 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Thanh Hữu
Giám đốc

Ngày 31 tháng 01 năm 2024

Số: 089/HDKT2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc
CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN – ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Cơ điện – Điện lực Đồng Nai (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 01 năm 2024, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Lam Giang
Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1750-2023-088-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT NHẤT

Ngày 31 tháng 01 năm 2024

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Hồ Thị Ngọc Phượng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 3142-2020-088-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**MẪU SỐ B 01-DN**
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.416.226.644	42.127.578.468
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	25.243.930.619	13.521.567.438
1. Tiền	111		6.243.930.619	9.521.567.438
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.000.000.000	4.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.250.493.984	24.087.119.814
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	14.927.417.653	24.265.445.636
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	122.408.987	533.526.807
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	503.900.635	168.951.887
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(303.233.291)	(880.804.516)
IV. Hàng tồn kho	140	9	3.921.802.041	4.518.891.216
1. Hàng tồn kho	141		4.127.186.463	4.518.891.216
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(205.384.422)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.184.192.648	19.625.137.036
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		14.872.026.437	19.163.118.305
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	14.872.026.437	19.163.118.305
- Nguyên giá	222		60.442.279.532	61.738.785.263
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.570.253.095)	(42.575.666.958)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		312.166.211	462.018.731
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	312.166.211	462.018.731
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		59.600.419.292	61.752.715.504

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.228.024.069	7.374.436.399
I. Nợ ngắn hạn	310		5.228.024.069	7.374.436.399
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	16.888.762	1.223.268.771
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	1.695.817.333	1.309.510.204
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	935.696.574	1.088.823.284
4. Phải trả người lao động	314		2.225.801.012	3.279.432.038
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		34.299.712	25.100.000
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	109.735.204	130.415.714
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	209.785.472	317.886.388
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.372.395.223	54.378.279.105
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	54.372.395.223	54.378.279.105
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		38.252.052.126	38.252.052.126
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		62.347.339	62.347.339
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.057.995.758	1.063.879.640
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) năm nay	421b		1.057.995.758	1.063.879.640
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		59.600.419.292	61.752.715.504



Phạm Thị Bích Chi
Người lập biểu



Lê Hữu Thành
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hữu
Giám đốc

Ngày 31 tháng 01 năm 2024


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	49.727.201.642	80.698.863.544
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		49.727.201.642	80.698.863.544
4. Giá vốn hàng bán	11	20	36.784.642.820	66.208.047.108
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12.942.558.822	14.490.816.436
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	605.914.192	382.693.327
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	22	650.603.501	1.032.707.565
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	11.521.251.988	12.372.888.584
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.376.617.525	1.467.913.614
11. Thu nhập khác	31	23	210.182.969	305.602.568
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		210.182.969	305.602.568
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.586.800.494	1.773.516.182
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	376.885.292	445.923.378
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.209.915.202	1.327.592.804
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	700	700


Phạm Thị Bích Chi
Người lập biểu


Lê Hữu Thành
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Hữu
Giám đốc

Ngày 31 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
<i>1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</i>	01		1.586.800.494	1.773.516.182
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		4.706.394.146	4.525.168.367
Các khoản dự phòng	03		(372.186.803)	14.346.416
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(792.747.525)	(382.693.327)
Chi phí lãi vay	06		-	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		5.128.260.312	5.930.337.638
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		9.414.197.055	(1.502.744.003)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		391.704.753	(433.515.706)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.417.047.506)	(9.585.130.635)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		149.852.520	364.114.650
Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(273.900.000)	(871.863.463)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		12.393.067.134	(6.098.801.519)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(415.302.278)	(8.096.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		186.833.333	-
7. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		605.914.192	382.693.327
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		377.445.247	(7.713.306.673)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.048.149.200)	(1.799.280.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(1.048.149.200)	(1.799.280.000)

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ/năm (50=20+30+40)	50	11.722.363.181	(15.611.388.192)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ/năm	60	13.521.567.438	29.132.955.630
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ/năm (70=50+60+61)	70	25.243.930.619	13.521.567.438



Phạm Thị Bích Chi
Người lập biểu



Lê Hữu Thành
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hữu
Giám đốc

Ngày 31 tháng 01 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Cơ điện – Điện lực Đồng Nai (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601373509 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh lần 5 ngày 28 tháng 02 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính đặt tại số 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là xây dựng, thương mại và dịch vụ.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sửa chữa thiết bị điện. Chi tiết: Bảo trì các loại vật tư, thiết bị điện, máy biến thế. Sửa chữa các máy biến áp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra, hiệu chỉnh các loại công tơ đo đếm.
- Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Gia công, chế tạo các loại phụ tùng, phụ kiện thiết bị điện. Chế tạo máy biến áp (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan thẩm quyền chấp nhận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công cơ khí (trừ xi mạ) (không gia công tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn vật tư thiết bị điện, vật liệu điện trong và ngoài nước.
- Xây dựng công trình điện.
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ. Chi tiết: Thí nghiệm vật tư, thiết bị điện, máy biến thế (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản nợ phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 – 15
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải	07 – 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định hữu hình khác	10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và chi phí sửa chữa. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN – ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAISố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	63.373.251	34.613.041
Tiền gửi ngân hàng	6.180.557.368	9.486.954.397
Các khoản tương đương tiền	19.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	25.243.930.619	13.521.567.438

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai và các đơn vị thành viên <i>(Bên liên quan TM 28)</i>	4.668.538.368	11.226.906.484
Công ty CP PLD Phú Lâm	382.575.829	682.575.829
Công ty CP ĐT PT Nhà và Đô Thị IDICO	2.188.644.074	-
Công ty TNHH TM DV VT XD GT T&T	2.556.971.418	5.810.199.754
Công ty CP ĐT & XD Tây Hồ	2.654.326.136	2.584.300.197
Công ty TNHH Trường Nguyên	-	694.123.801
Tổng Công ty Thiết Bị Điện Đông Anh	604.584.000	335.880.000
Công ty CP XDD VNECO 8	356.843.495	396.843.495
Công ty TNHH TV TK XD Điện Thành Đạt	-	881.644.450
Các khách hàng khác	1.514.934.333	1.652.971.626
Cộng	14.927.417.653	24.265.445.636

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai <i>(Bên liên quan TM 28)</i>	-	497.165.081
Công ty Luật TNHH Hoàng Ngọc Và Cộng Sự	60.000.000	-
Khác	62.408.987	36.361.726
Cộng	122.408.987	533.526.807

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN – ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAISố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tạm ứng cho nhân viên	460.000.000	105.000.000
Ký quỹ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	35.685.877	55.599.800
Ký quỹ cho Ngân hàng TMCP Bản Việt	-	2.505.787
Ký quỹ taxi cho Công ty CP Ánh Dương VN	5.000.000	5.000.000
Ký quỹ Trung Tâm Hội Nghị và Tổ Chức Sự Kiện	3.214.758	-
Khác	-	846.300
Cộng	503.900.635	168.951.887

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm			Dự phòng
	Nợ phải thu cuối năm	Nợ quá hạn	Tỷ lệ dự phòng	VND
	VND	VND	%	VND
Công ty Cổ Phần PLD Phú Lâm	382.575.829	382.575.829	70,00	267.803.080
Công ty CP Phát Triển Đường Cao Tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	35.430.211	35.430.211	100,00	35.430.211
Cộng	418.006.040	418.006.040		303.233.291

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.416.753.359	1.445.120.222
Công cụ, dụng cụ	13.458.927	23.022.705
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.513.463.561 (*)	2.839.435.493
Thành phẩm	132.352.017	160.154.197
Hàng hóa	51.158.599	51.158.599
Cộng	4.127.186.463	4.518.891.216
Dự phòng giảm giá nguyên vật liệu	(205.384.422)	-
Giá trị thuần	3.921.802.041	4.518.891.216

(*) Chi phí xây dựng dở dang của các công trình sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
KDC theo quy hoạch L.An - B.Sơn	1.389.428.027	1.116.181.580
SC MBA phân phối năm 2022	-	555.696.388
TVGS CT Công ty Long Well	869.393.622	861.050.000
Các công trình khác	254.641.912	306.507.525
Cộng	2.513.463.561	2.839.435.493

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN – ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAISố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	1.177.720.919	53.333.952.539	342.646.923	6.350.555.457	533.909.425	61.738.785.263
Tăng trong năm (Mua sắm)	-	-	-	415.302.278	-	415.302.278
Giảm trong năm (Thanh lý)	-	260.923.169	-	1.450.884.840	-	1.711.808.009
Số cuối năm	1.177.720.919	53.073.029.370	342.646.923	5.314.972.895	533.909.425	60.442.279.532
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	802.242.556	35.609.384.333	317.924.587	5.378.414.383	467.701.099	42.575.666.958
Khấu hao trong năm	70.742.604	4.190.880.892	4.711.428	379.759.222	60.300.000	4.706.394.146
Giảm trong năm (Thanh lý)	-	260.923.169	-	1.450.884.840	-	1.711.808.009
Số cuối năm	872.985.160	39.539.342.056	322.636.015	4.307.288.765	528.001.099	45.570.253.095
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	375.478.363	17.724.568.206	24.722.336	972.141.074	66.208.326	19.163.118.305
Số cuối năm	304.735.759	13.533.687.314	20.010.908	1.007.684.130	5.908.326	14.872.026.437

Trong đó, nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 22.665.381.927 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 16.077.769.027 VND).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	235.781.051	290.297.433
Chi phí sửa chữa	76.385.160	171.721.298
Cộng	312.166.211	462.018.731

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH SX- TM -XD Điện Trúc Hạ	-	750.000.000
Võ Hữu Kính - TNHC	-	100.000.000
Khác	16.888.762	373.268.771
Cộng	16.888.762	1.223.268.771

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN – ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAISố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty CP ĐT XD Vĩnh Thuận	823.912.560	823.912.560
Công ty CP SX & ĐT Royal House	352.100.000	-
Công ty CP Kinh Doanh Nhà Đồng Nai	213.576.000	213.576.000
Công ty TNHH Công Nghệ Và DV KT VMTEK	104.000.000	100.000.000
Khách hàng khác	202.228.773	172.021.644
Cộng	1.695.817.333	1.309.510.204

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.062.837.418	3.099.568.112	3.607.480.527	554.925.003
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(54.687.670)	376.885.292	-	322.197.622
Thuế thu nhập cá nhân	80.673.536	701.625.278	723.724.865	58.573.949
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.088.823.284	4.181.078.682	4.334.205.392	935.696.574

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	14.876.586	24.240.450
Bảo hiểm phải nộp	-	-
Phải trả khác	94.858.618	106.175.264
Cộng	109.735.204	130.415.714

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số đầu năm	317.886.388	884.394.969
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	165.799.084	305.354.882
Thu bằng tiền	-	-
Sử dụng trong năm	(273.900.000)	(871.863.463)
Số cuối năm	209.785.472	317.886.388

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN – ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAISố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	15.000.000.000	32.784.052.126	5.499.273.845	1.872.715.212	55.156.041.183
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.327.592.804	1.327.592.804
Trích quỹ	-	-	31.073.494	(336.428.376)	(305.354.882)
Chia cổ tức	-	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
Chuyển nguồn	-	5.468.000.000	(5.468.000.000)	-	-
Số dư đầu năm nay	15.000.000.000	38.252.052.126	62.347.339	1.063.879.640	54.378.279.105
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.209.915.202	1.209.915.202
Trích quỹ	-	-	-	(165.799.084)	(165.799.084)
Chia cổ tức	-	-	-	(1.050.000.000)	(1.050.000.000)
Chuyển nguồn	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	15.000.000.000	38.252.052.126	62.347.339	1.057.995.758	54.372.395.223

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 15.000.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 15.000.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	6.732.000.000	44,88	6.732.000.000	44,88
Công ty CP TV TK và Xây Lắp Điện	1.500.000.000	10,00	1.500.000.000	10,00
Công ty CP Thủy Điện Thác Mơ	1.500.000.000	10,00	1.500.000.000	10,00
Công đoàn Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	750.000.000	5,00	750.000.000	5,00
Công ty TNHH DV TM XL Điện Lam Kinh	918.000.000	6,12	918.000.000	6,12
Các cổ đông khác	3.600.000.000	24,00	3.600.000.000	24,00
Cộng	15.000.000.000	100,00	15.000.000.000	100,00

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Về mặt địa lý, công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Doanh thu và giá vốn của hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 19 và số 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

Theo đó, Ban giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của công ty.

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN – ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAISố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. DOANH THU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu chuẩn định điện kế	21.003.504.763	11.744.096.640
Doanh thu thí nghiệm	19.272.960.632	25.168.134.170
Doanh thu xây lắp	2.708.895.705	39.392.534.059
Doanh thu sửa chữa – cơ khí	6.408.706.303	2.829.039.129
Doanh thu khảo sát thiết kế	132.080.851	1.413.236.640
Doanh thu mua bán hàng hóa	30.260.000	40.595.000
Doanh thu hoạt động khác	170.793.388	111.227.906
Cộng	49.727.201.642	80.698.863.544

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn chuẩn định điện kế	10.869.991.955	10.245.260.641
Giá vốn thí nghiệm	14.724.299.896	13.352.740.219
Giá vốn xây lắp	4.420.623.007	37.877.828.992
Giá vốn sửa chữa – cơ khí	6.304.006.587	3.718.813.028
Giá vốn khảo sát thiết kế	106.839.459	866.731.064
Giá vốn mua bán hàng hóa	25.916.000	35.445.258
Giá vốn hoạt động khác	127.581.494	111.227.906
Chi phí dự phòng	205.384.422	-
Cộng	36.784.642.820	66.208.047.108

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	605.914.192	382.693.327
Cộng	605.914.192	382.693.327

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	11.521.251.988	12.372.888.584
Chi phí nhân viên quản lý	6.669.121.686	7.075.014.525
Chi phí vật liệu quản lý	317.699.585	483.063.673
Chi phí đồ dùng văn phòng	152.321.037	270.058.952
Chi phí khấu hao tài sản cố định	165.847.716	170.925.603
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	(577.571.225)	319.948.983
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.101.289.917	1.517.002.768
Chi phí bằng tiền khác	2.689.543.272	2.533.874.080
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	650.603.501	1.032.707.565
Chi phí bằng tiền khác	650.603.501	1.032.707.565
Cộng	12.171.855.489	13.405.596.149

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	305.602.567
Thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	210.166.667	-
Thu nhập khác	16.302	1
Cộng	210.182.969	305.602.568

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	1.586.800.494	1.773.516.182
Các khoản điều chỉnh làm tăng thu nhập chịu thuế	297.625.964	456.100.708
- Các chi phí không được khấu trừ	297.625.964	456.100.708
Các khoản điều chỉnh làm giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.884.426.458	2.229.616.890
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	376.885.292	445.923.378

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN – ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAISố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	22.763.734.086	25.322.768.090
Chi phí nguyên vật liệu	6.587.790.625	32.886.014.478
Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng	530.075.735	984.131.117
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.706.394.146	4.525.168.367
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí bảo hành	18.288.106	-
Chi phí dự phòng	(372.186.803)	319.948.983
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.058.187.845	9.210.827.263
Chi phí bằng tiền khác	6.661.214.569	6.361.784.959
Cộng	48.956.498.309	79.613.643.257

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	1.209.915.202	1.327.592.804
Trích quỹ	159.915.202	277.592.804
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.050.000.000	1.050.000.000
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.500.000	1.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	700	700

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	25.243.930.619	13.521.567.438
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	54.372.395.223	54.378.279.105
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.243.930.619	13.521.567.438
Phải thu khách hàng	14.624.184.362	23.384.641.120
Phải thu khác	503.900.635	168.951.887
Tổng cộng	40.372.015.616	37.075.160.445
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	16.888.762	1.223.268.771
Chi phí phải trả	34.299.712	25.100.000
Phải trả khác	94.858.618	106.175.264
Tổng cộng	146.047.092	1.354.544.035

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì Công ty đã thực hiện đánh giá tình hình tài chính của khách hàng trước khi ký hợp đồng giao dịch, thực hiện quản lý công nợ chặt chẽ bằng các biện pháp phù hợp như đối chiếu công nợ thường xuyên, đốc thúc khách hàng thanh toán đúng hạn theo hợp đồng và tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu một cách thận trọng và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty (xem chính sách trích lập dự phòng tại thuyết minh số 3).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
	VND	VND	
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.243.930.619	-	25.243.930.619
Phải thu khách hàng	14.624.184.362	-	14.624.184.362
Phải thu khác	503.900.635	-	503.900.635
Tổng cộng	40.372.015.616	-	40.372.015.616
Phải trả người bán	16.888.762	-	16.888.762
Chi phí phải trả	34.299.712	-	34.299.712
Phải trả khác	94.858.618	-	94.858.618
Tổng cộng	146.047.092	-	146.047.092
Chênh lệch thanh khoản thuần	40.225.968.524	-	40.225.968.524
Số đầu năm	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
	VND	VND	
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.521.567.438	-	13.521.567.438
Phải thu khách hàng	23.384.641.120	-	23.384.641.120
Phải thu khác	168.951.887	-	168.951.887
Tổng cộng	37.075.160.445	-	37.075.160.445
Phải trả người bán	1.223.268.771	-	1.223.268.771
Chi phí phải trả	25.100.000	-	25.100.000
Phải trả khác	106.175.264	-	106.175.264
Tổng cộng	1.354.544.035	-	1.354.544.035
Chênh lệch thanh khoản thuần	35.720.616.410	-	35.720.616.410

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN – ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAISố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	74,52	68,22
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	25,48	31,78
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	8,77	11,94
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	91,23	88,06
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	8,50	5,71
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	7,75	5,10

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai và các đơn vị trực thuộc

Chủ đầu tư lớn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:


	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng, xây dựng và cung cấp dịch vụ	31.664.473.818	27.374.437.893
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	493.441.261

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:


	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	4.668.538.368	11.226.906.484
Trả trước cho người bán	-	497.165.081

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản thù lao khác	353.500.000	637.473.463



Phạm Thị Bích Chi
Người lập biểu



Lê Hữu Thành
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hữu
Giám đốc

Ngày 31 tháng 01 năm 2024